

Ngành : Vật liệu xây dựng (Báo cáo gần nhất: [Link](#))

Khuyến nghị MUA CTCP VICEM XI MĂNG HÀ TIÊN (HSX: HT1)

Kỳ lân xanh vươn mình

Giá hiện tại:	17,350	Ngày viết báo cáo:	19/11/2020	Cơ cấu cổ đông	
Giá mục tiêu trước đây	N/A	Cổ phiếu lưu hành (tr CP)	381.5	Vicem	79.69%
Giá mục tiêu mới:	19,750	Vốn hóa (tỷ đồng)	6,333	Nguyễn Văn Chuyển	2.79%
Tỷ suất cổ tức	6.1%	KLGDĐQ 10 phiên (nghìn CP)	745.6	Thanachart Securities	1.46%
Tiềm năng tăng giá	13.8%	Sở hữu nước ngoài	5.88%	CTCP Vận tải & TM quốc tế	1.37 %

Chuyên viên phân tích ngành:

Nguyễn Thị Kiều Hạnh
(Vật liệu xây dựng, Bất động sản)
hanhntk@bsc.com.vn

ĐỊNH GIÁ

BSC khuyến nghị **MUA** cổ phiếu HT1 với giá mục tiêu năm 2021 là **19,750 đồng/CP** dựa trên kết hợp phương pháp so sánh P/E và EV/EBITDA (tỷ trọng 50:50)

Chuyên viên phân tích kỹ thuật:

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	19,500
Giá chốt lỗ	14,750

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC điều chỉnh giảm 24% dự báo LN 2020 của HT1 so dự báo trong báo cáo ngành hồi đầu năm về 622 tỷ (-16% YoY) bởi tình hình tiêu thụ của công ty năm 2020 kém khả quan do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Chúng tôi cho rằng HT1 sẽ ghi nhận tăng trưởng mạnh 34% về lợi nhuận trong năm 2021 với động lực từ nhu cầu hồi phục, đầu tư công và việc công ty hoàn trả hết nợ vay ngoại tệ. Dự báo doanh thu 2021 đạt 9,015 tỷ (+13% YoY), LNST 837 tỷ (+34.5% YoY), tương đương với EPS = 1,974 đồng/CP.

Bảng so sánh giá CP và VN- Index



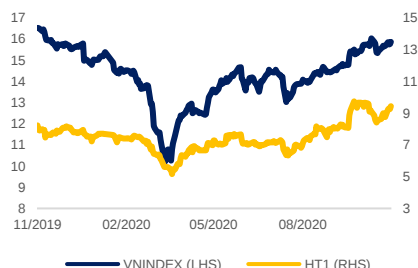
LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- (1) Tiêu thụ xi măng toàn ngành dự báo sẽ tăng trưởng tốt trong năm 2021 nhờ đầu tư công và xuất khẩu sang Trung Quốc
- (2) Vị thế vững chắc và việc đầu tư tăng công suất nghiền xi măng thêm 14% (2022F) giúp HT1 hưởng lợi từ tăng trưởng nhu cầu toàn ngành

RỦI RO ĐẦU TƯ

- (1) Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu (than, điện...)
- (2) Rủi ro gia tăng công suất của các DN trong ngành làm trầm trọng tình trạng dư cung hiện tại

Bảng so sánh P/E và VN index



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 9T2020

(1) **Kết quả 9T2020 thấp hơn dự báo trước đó của chúng tôi** do (1) sản lượng giảm do ảnh hưởng của mùa mưa và xâm nhập mặn ở miền Nam và (2) lỗ tỷ giá từ khoản vay EUR. Lũy kế 9T, doanh thu 6,086 tỷ (-12% YoY), LNST 461.7 tỷ (-12.7% YoY), tương đương hoàn thành 72.5% và 70.4% kế hoạch năm.

(2) **HT1 dự kiến chỉ 420 tỷ đồng cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 12%) trong T12/2020**

	2019	2020F	Peer KV	VN-Index		2018	2019	2020E	2021F
PE (x)	7.7	10.1	15.5	14.7	Doanh thu	8,378	8,839	7,994	9,015
PB (x)	1.1	1.1	1.7	2.0	Lợi nhuận gộp	1,403	1,561	1,349	1,538
PS (x)	0.7	0.8	1.3	1.5	LN sau thuế	634	740	622	837
ROE (%)	14.1%	11.3%	3.1%	13.3%	EPS	1,661	1,940	1,631	1,974
ROA (%)	7.1%	6.4%	1.4%	2.4%	Biên LNG	16.7%	17.7%	16.9%	17.1%
EV/ EBITDA (x)	4.3	4.8	10.4	14.0	Nợ/ VCSH	105.7%	91.8%	65.1%	51.5%

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

Luận điểm 1: Tiêu thụ xi măng toàn ngành dự báo sẽ bật tăng lại trong năm 2021 sau năm 2020 ảm đạm bởi dịch bệnh và diễn biến thời tiết không thuận lợi

Tác động lan tỏa của đầu tư công làm tăng nhu cầu xi măng nội địa

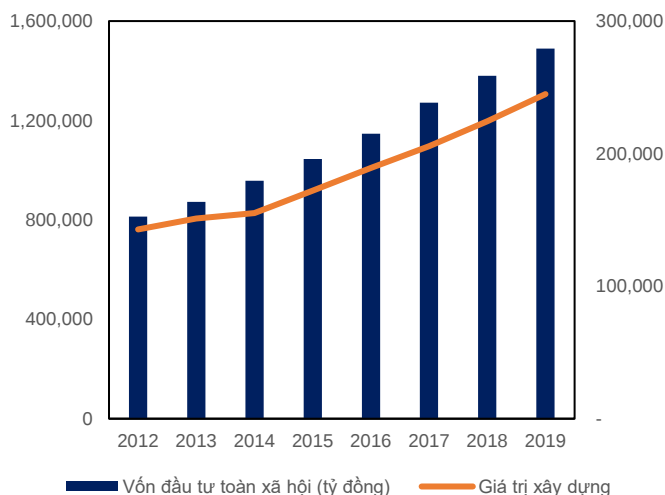
Đầu tư công là tiền đề quan trọng kích thích các nguồn lực của khối tư nhân và thu hút đầu tư nước ngoài, từ đó đẩy mạnh vốn đầu tư toàn xã hội, kích thích nhu cầu xây dựng. Nhìn lại giai đoạn năm 2012 khi vốn đầu tư của khu vực nhà nước tăng trưởng mạnh

Tăng trưởng (%)	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Vốn đầu tư toàn xã hội	9.6%	8.8%	-7.2%	5.5%	7.3%	9.8%	9.1%	9.8%	10.9%	8.5%	7.9%
KV nhà nước	22.6%	-0.7%	-9.2%	13.5%	7.7%	8.2%	4.6%	8.3%	5.2%	1.2%	0.6%
KV ngoài nhà nước	28.2%	20.1%	-0.5%	3.8%	6.0%	11.6%	10.3%	10.6%	15.3%	15.7%	14.9%
KV có vốn nước ngoài	-19.3%	10.0%	-13.9%	-3.9%	8.8%	9.7%	14.8%	11.1%	12.4%	7.1%	5.3%

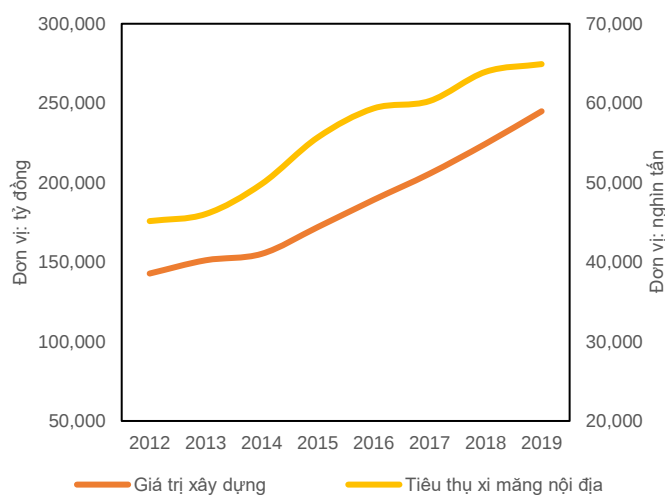
Nguồn: Tổng cục thống kê, BSC Research

Xi măng là vật liệu xây dựng thiết yếu nên tiêu thụ phản ánh ngay tăng trưởng hoạt động xây dựng. Do đó, tiêu thụ xi măng nội địa sẽ hồi phục trong nửa cuối Q4/2020 khi (1) nhiều công trình đầu tư công bắt đầu thi công và (2) nhu cầu tái thiết mạnh sau mùa mưa bão tại một số địa phương. Tăng trưởng sẽ rõ rệt hơn từ năm 2021 trở đi khi nhu cầu xây dựng dân dụng và công nghiệp tăng nhanh nhờ cơ sở hạ tầng được cải thiện mạnh ở nhiều địa phương. Các dự án đầu tư công trọng điểm như cải tạo, mở rộng cao tốc Bắc – Nam, xây dựng các tuyến đường kết nối, liên tỉnh, sân bay,... sẽ cải thiện chất lượng logistics của Việt Nam, thúc đẩy kết nối liên vùng. Làn sóng dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc sang các quốc gia lân cận sau dịch sẽ thu hút lượng lớn vốn FDI và hỗ trợ xây dựng công nghiệp.

Vốn đầu tư là động lực chính cho tăng trưởng của giá trị xây dựng



Nhu cầu tiêu thụ xi măng tăng trưởng theo giá trị xây dựng

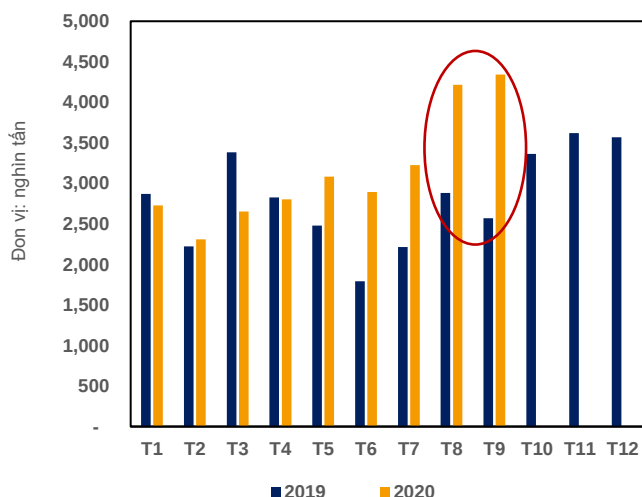


Nguồn: Tổng cục thống kê, FiinPro, BSC Research

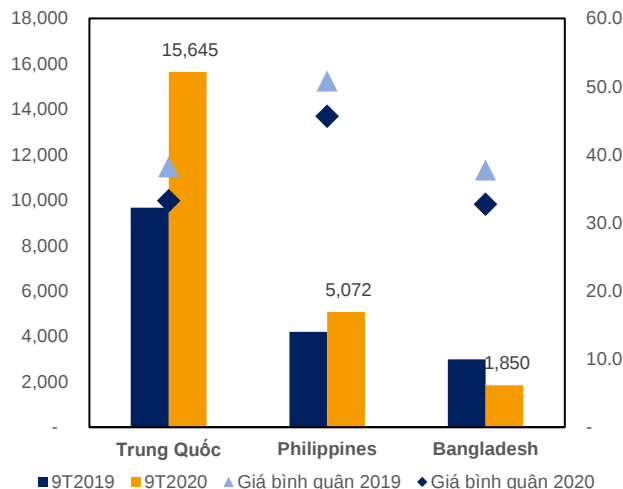
Xuất khẩu bật tăng nhờ nhu cầu xây dựng hồi phục tại các nước sau dịch, đặc biệt là Trung Quốc

Sản lượng xuất khẩu clinker và xi măng của Việt Nam bật tăng từ T7/2020 do xuất khẩu sang Trung Quốc tăng. Hoạt động xây dựng hạ tầng ở Trung Quốc tăng mạnh nhờ chính sách kích thích đầu tư sau khi mở cửa lại nền kinh tế làm gia tăng mạnh nhu cầu đối với các loại vật liệu xây dựng. Trong khi đó, sản xuất nội địa chưa thể tăng bắt kịp nhu cầu đã khiến Trung Quốc phải nhập khẩu lượng lớn các sản phẩm thép, xi măng. Với vị trí địa giáp với Trung Quốc và hệ thống vận tải biển thuận lợi, Việt Nam đã tận dụng tốt lợi thế để tăng xuất khẩu xi măng và clinker, giảm bớt tình trạng dư thừa tại thị trường nội địa.

Xuất khẩu xi măng & clinker tăng mạnh trong T8, T9; lũy kế 9T2020 +21.6% YoY



Xuất khẩu sang Trung Quốc tăng mạnh. Giá xuất khẩu giảm 10-13% YoY



Nguồn: Tổng cục Hải quan, BSC Research

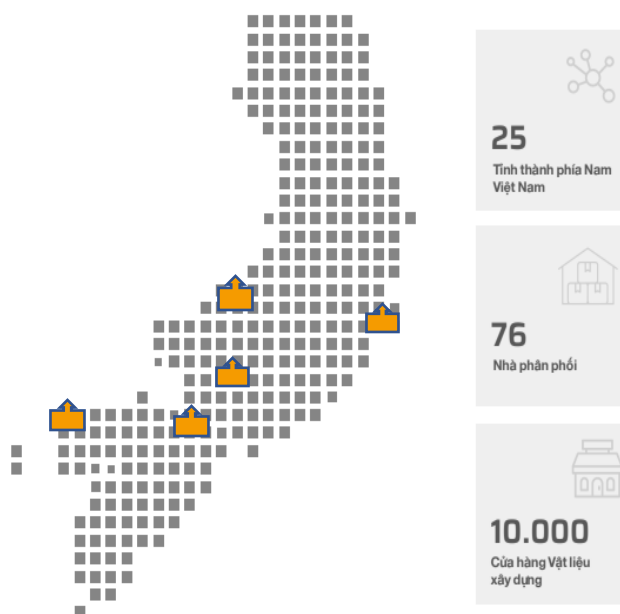
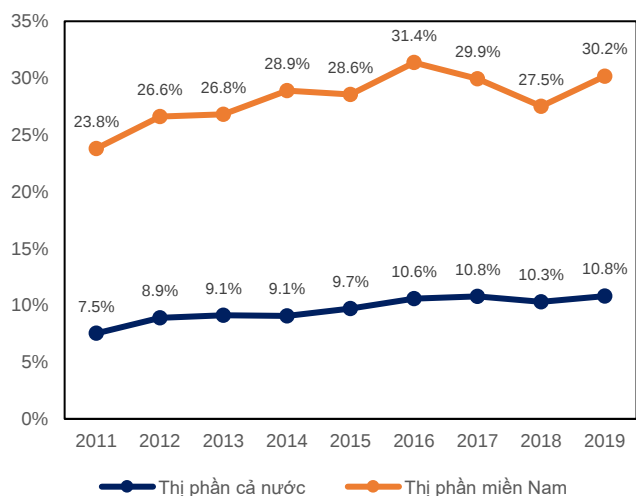
BSC đánh giá nhu cầu nhập khẩu xi măng của Trung Quốc sẽ giữ ở mức cao tương đương T8-T9/2020 cho đến đầu năm 2021. Xuất khẩu xi măng sang Trung Quốc sẽ giúp giảm bớt cạnh tranh tại thị trường nội địa, đặc biệt đối với các DN xi măng khu vực phía Bắc và Bắc miền Trung.

Luận điểm 2: Vị thế vững chắc và việc đầu tư tăng công suất thêm 25% (2022F) giúp HT1 hưởng lợi từ tăng trưởng nhu cầu toàn ngành

HT1 duy trì thị phần dẫn đầu trên 30% tại thị trường miền Nam nhờ:

- Hệ thống 2 nhà máy và 5 trạm nghiền phân bổ rộng tại các tỉnh thành phía Nam giúp HT1 có thể tiếp cận nhiều thị trường tiêu thụ. Do khoảng cách vận chuyển tối ưu của xi măng và clinker bằng đường bộ khoảng 70-80km nên việc phân bổ các trạm nghiền tại nhiều tỉnh thành sẽ giúp công ty mở rộng được hệ thống đại lý và địa bàn tiêu thụ. Bên cạnh đó, các trạm nghiền của HT1 cũng thuận lợi cho vận tải thủy bằng xà lan với chi phí vận chuyển thấp hơn đường bộ.
- Thương hiệu mạnh và lâu đời, sản phẩm chất lượng cao, được người tiêu dùng tin tưởng.

Thị phần dẫn đầu tại miền Nam được duy trì



HT1 có kế hoạch đầu tư nâng cao năng lực nghiền xi măng tại NM Kiên Lương thêm 1 triệu tấn/năm (+14%). BSC dự báo dự án có thể được triển khai trong giai đoạn 2021-2022 nhằm bắt kịp với tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ. Đầu tư công và tác động lan tỏa đến các hoạt động xây dựng hạ tầng và dân dụng được dự báo sẽ là động lực tăng trưởng cho nhu cầu xi măng trong giai đoạn tới.

Các trạm nghiền và nhà máy	Công suất clinker (tấn)	Công suất xi măng (tấn)
Bình Phước	1,800,000	1,200,000
Kiên Lương	2,200,000	1,800,000
Phú Hữu (Q9, HCM)		2,400,000
Cam Ranh		850,000
Long An		850,000
Tổng cộng công suất hiện tại	4,000,000	7,100,000
Nâng cao năng lực nghiền NM Kiên Lương		1,000,000

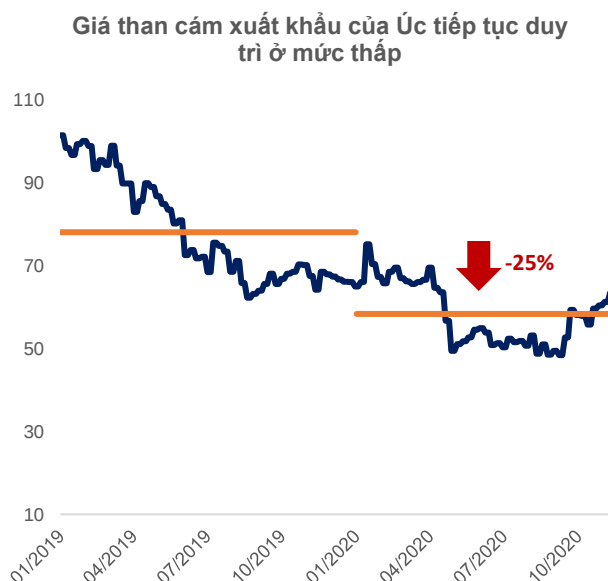
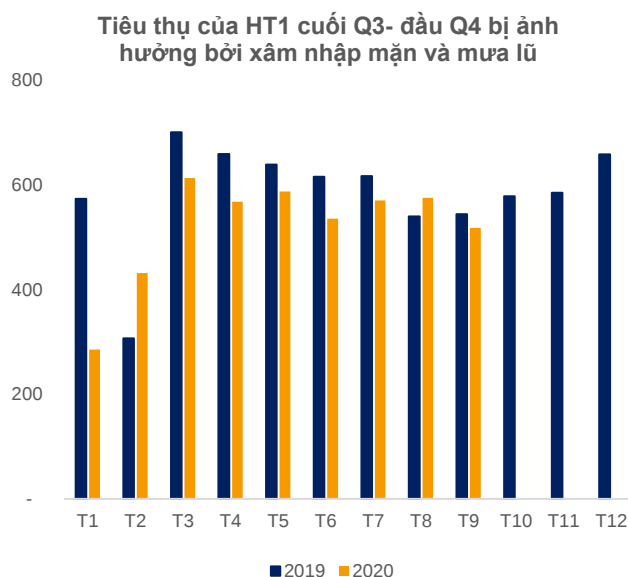
Nguồn: HT1, BSC Research

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

(1) Kết quả kinh doanh 2020 kém khả quan do ảnh hưởng của dịch bệnh và tình hình thời tiết không thuận lợi, tạo nền thấp cho tăng trưởng mạnh năm 2021.

Kết quả 9T2020 thấp hơn dự báo trước đó của chúng tôi do (1) sản lượng giảm do ảnh hưởng của mùa mưa và xâm nhập mặn ở miền Nam và (2) lỗ tỷ giá từ khoản vay EUR. Lũy kế 9T, doanh thu 6,086 tỷ (-12% YoY), LNST 461.7 tỷ (-12.7% YoY), tương đương hoàn thành 72.5% và 70.4% kế hoạch năm.

- Sản lượng tiêu thụ 9T2020 đạt 4.77 triệu tấn xi măng (-11.7% YoY) và 350 nghìn tấn clinker (+16.7% YoY), tương đương hoàn thành 65% kế hoạch năm. Tiêu thụ mặc dù hồi phục trong T7 và T8 nhưng lại bị ảnh hưởng tiêu cực bởi mùa mưa trong T9.
- Biên LNG tăng từ 17.1% (9T2019) lên 18.2% trong 9T2020 nhờ giá than bình quân (~30% giá vốn) -10% YoY và giá điện (~15% giá vốn) giảm 10% trong Q2/2020.



- Khoản vay ngoại tệ giúp công ty hưởng lãi suất thấp (~0%) nhưng phải đối mặt với rủi ro tỷ giá. 9T2020 HT1 ghi nhận (1) lỗ tỷ giá 4.7 tỷ trong khi cùng kỳ lãi 30.8 tỷ (tỷ giá EUR/VND +5.7% kể từ đầu năm), (2) CP lãi vay giảm 34

tỷ (-19% YoY) nhờ tổng dư nợ vay bình quân -20% YoY, lãi suất vay ngoại tệ EUR ~ 0% do lãi suất tham chiếu EURIBOR < 0%. Theo kế hoạch, công ty sẽ hoàn trả hết các khoản vay này trong 1H2021.

(2) HT1 dự kiến chi 420 tỷ đồng cổ tức năm 2019 (tỷ lệ 12%) trong T12/2020. HT1 duy trì tỷ lệ trả cổ tức tương đối ổn định 10-15% tiền mặt kể từ năm 2017, tương đương tỷ suất cổ tức khoảng 10%. BSC cho rằng với vị thế là đơn vị hoạt động hiệu quả nhất trong nhóm Vicem, HT1 có áp lực trả cổ tức từ công ty mẹ. Chúng tôi đánh giá với nhu cầu vốn đầu tư cho dự án trạm nghiền mới ước khoảng 400 tỷ sẽ giải ngân trong 2021-2022 so với dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của công ty khoảng 1,000 tỷ/năm, HT1 có khả năng duy trì cổ tức tiền trong những năm tới mặc dù tỷ lệ có thể giảm trong giai đoạn đầu tư.

DỰ BÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

BSC điều chỉnh giảm 24% dự báo LN 2020 của HT1 so dự báo trong báo cáo ngành hồi đầu năm. BSC đánh giá sản lượng tiêu thụ của HT1 sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng của mùa mưa trong phần lớn Q4/2020 và chỉ có thể hồi phục từ cuối Q4/2020 đầu 2021 khi các dự án đầu tư công và xây dựng dân dụng triển khai mạnh. Cụ thể doanh thu dự báo 7,993 tỷ (-9.6% YoY) tương ứng với sản lượng xi măng là 6.8 triệu tấn (-7% YoY) và clinker 490 nghìn tấn (+5% YoY). LNST 2020F là 622 tỷ (-16% YoY), tương đương với EPS = 1,631 đồng/CP.

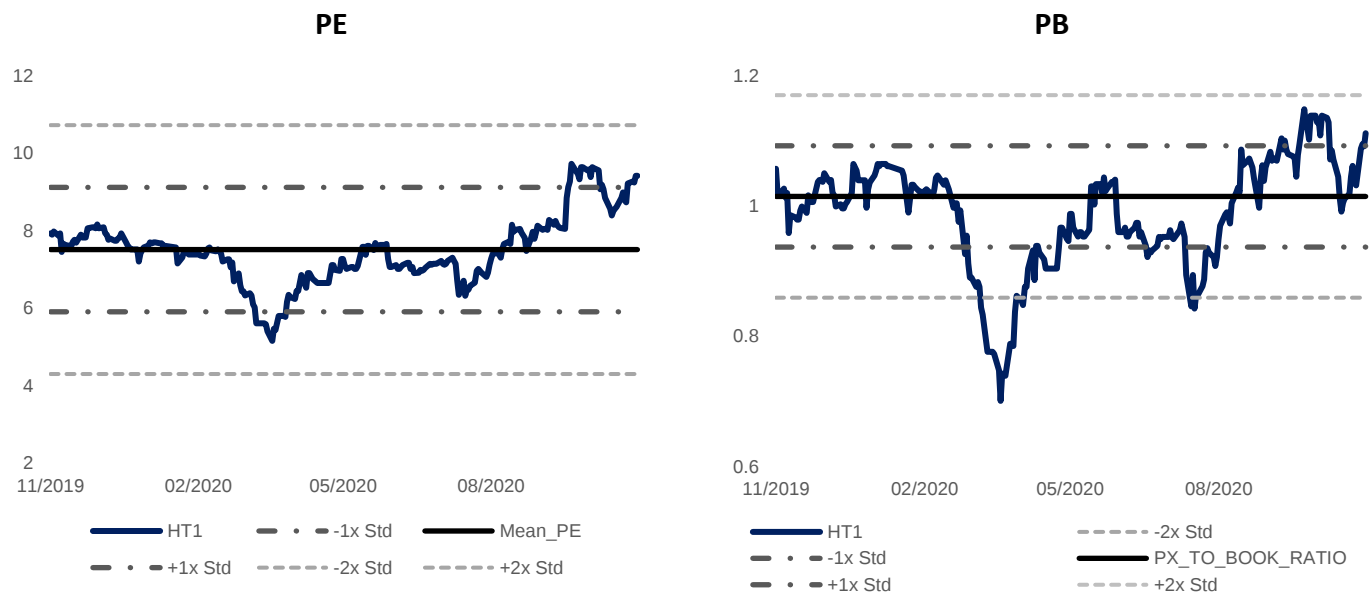
Chúng tôi cho rằng HT1 sẽ ghi nhận tăng trưởng mạnh 34% về lợi nhuận trong năm 2021 với động lực từ **(1)** sản lượng tiêu thụ +10% YoY; **(2)** giá bán và giá than tăng về mức tương đương 2019 và **(3)** HT1 trả hết nợ vay ngoại tệ, không phải chịu rủi ro tỷ giá. Dự báo doanh thu 2021 đạt 9,015 tỷ (+13% YoY), LNST 837 tỷ (+34.5% YoY), tương đương với EPS = 1,974 đồng/CP.

ĐỊNH GIÁ

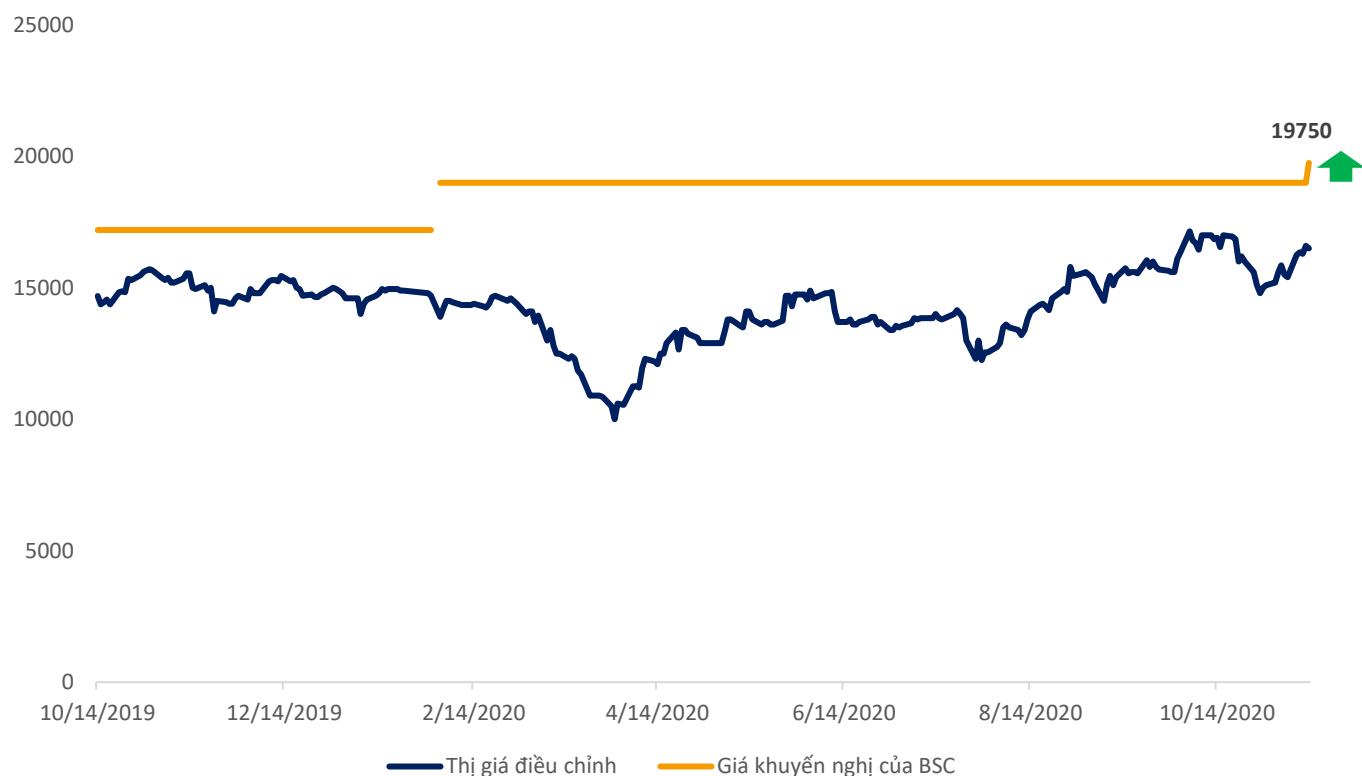
Chúng tôi sử dụng kết hợp 2 phương pháp P/E và EV/EBITDA để định giá cổ phiếu HT1 cho năm 2021

Phương pháp P/E	50%
EPS 2021F (đồng/CP)	1,974
P/E mục tiêu (lần)	10
Giá mục tiêu cho 2021 (đồng)	19,738
Phương pháp EV/EBITDA	50%
EBITDA 2021	1,869
EV/EBITDA mục tiêu	4.5
Giá trị doanh nghiệp	8,409
+ Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn	389
- Nợ vay	(1,267)
Giá trị vốn chủ sở hữu	7,439
Số lượng CP hiện đang lưu hành	381,541,911
Giá trị 1 cổ phần (VND)	19,755

Nguồn: BSC Research



Biến động giá cổ phiếu HT1 so với khuyến nghị của BSC



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PHỤ LỤC

KQKD(Tỷ đồng)	2018	2019	2020E	2021F	LCTT (Tỷ đồng)	2018	2019	2020E	2021F
Doanh thu thuần	8,378	8,839	7,994	9,015	Lợi nhuận sau thuế	634	741	622	837
Giá vốn hàng bán	6,975	7,278	6,645	7,477	Khấu hao và phân bổ	729	709	740	731
Lợi nhuận gộp	1,403	1,561	1,349	1,538	Thay đổi vốn lưu động	489	(240)	(329)	6
Chi phí bán hàng	141	160	167	177	LCTT từ HĐ KD	1,852	1,209	1,033	1,574
Chi phí QLDN	188	215	215	223	Tiền chi mua TSCĐ	(91)	(76)	(94)	(200)
Lãi/lỗ HĐKD (EBIT)	1,075	1,186	967	1,138	Đầu tư khác	19	11	-	-
Doanh thu tài chính	41	27	11	30	LCTT từ HĐ Đầu tư	(72)	(65)	(94)	(200)
Chi phí tài chính	314	272	193	122	Tiền chi trả cổ tức	(571)	(457)	(458)	(382)
Chi phí lãi vay	276	238	180	121	Tiền từ vay ròng	(780)	(645)	(1,106)	(809)
Lợi nhuận từ CTLD/LK	-	-	-	1	Tiền thu khác	11	12	13	14
Lãi/lỗ khác	10	(13)	-	-	LCTT từ HĐ Tài chính	(1,351)	(1,102)	(1,564)	(1,190)
Lợi nhuận trước thuế	812	928	778	1,046	Dư tiền đầu kỳ	347	776	818	193
Thuế thu nhập DN	179	187	156	209	LC tiền trong kỳ	429	41	(625)	183
LN sau thuế	634	741	622	837	Dư tiền cuối kỳ	776	818	193	376
LNST - CĐTS	0	0	-	-					
EBITDA	634	740	622	837					
EPS (VND)	1,804	1,895	1,706	1,869					

CĐKT (Tỷ đồng)	2018	2019	2020E	2021F	Chỉ số(%)	2018	2019	2020E	2021F
Tiền và ĐTTG ngắn hạn	787	831	206	389	Khả năng thanh toán				
Phải thu ngắn hạn	456	499	562	618	Hố TT ngắn hạn	0.52	0.51	0.51	0.67
Tồn kho	657	729	715	784	Hố TT nhanh	0.33	0.32	0.26	0.37
TS ngắn hạn khác	29	15	14	15	Cơ cấu vốn				
TS ngắn hạn	1,929	2,074	1,497	1,807	TSNH/ Tổng TS	0.18	0.20	0.17	0.20
TSCĐ hữu hình	7,375	6,761	6,118	5,387	Nợ phải trả/ Tổng TS	0.51	0.48	0.39	0.34
TSCĐ vô hình	103	98	95	94	Nợ NH/ Tổng TS	0.35	0.40	0.33	0.30
TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	Nợ vay/ Tổng TS	0.36	0.31	0.23	0.14
TS dở dang dài hạn	990	974	974	1,174	Năng lực hoạt động				
Đầu tư dài hạn	27	26	19	19	Số ngày HTK	34	37	39	38
TS dài hạn khác	201	343	310	349	Số ngày phải thu	15	16	20	20
Tài sản dài hạn	8,706	8,214	7,515	7,025	Số ngày phải trả	58	64	53	54
TỔNG TÀI SẢN	10,635	10,289	9,023	8,844	CCC	(9)	(12)	6	4
Phải trả ngắn hạn	1,108	1,271	963	1,108	Tỉ suất lợi nhuận				
Vay ngắn hạn	2,114	2,375	1,487	963	Biên LNG	16.7%	17.7%	16.9%	17.1%
Nợ ngắn hạn khác	520	456	504	616	Biên EBIT	12.8%	13.4%	12.1%	12.6%
Nợ ngắn hạn	3,742	4,102	2,954	2,687	Biên LNST	7.6%	8.4%	7.8%	9.3%
Vay dài hạn	1,715	808	589	305	ROE	12.3%	13.8%	11.4%	14.3%
Nợ dài hạn khác	-	-	-	-	ROA	6.0%	7.2%	6.9%	9.5%
Nợ dài hạn	1,715	808	589	305	Tăng trưởng				
Nợ phải trả	5,465	4,924	3,558	3,006	Tăng trưởng DTT	2.1%	14.0%	14.0%	14.0%
Vốn góp	3,816	3,816	3,816	3,816	Tăng trưởng EBIT	4.6%	-7.6%	-7.6%	-7.6%
Thặng dư vốn cổ phần	71	71	71	71	Tăng trưởng LNST	30.0%	-12.2%	-12.2%	-12.2%
LN chưa phân phối	756	854	956	1,328	Tăng trưởng TTS	-4.0%	30.1%	30.1%	30.1%
Vốn chủ khác	-	-	-	-	Tăng trưởng VCSH	-0.4%	17.6%	17.6%	17.6%
Lợi ích cổ đông thiểu số	8	9	-	-					
Vốn chủ sở hữu	5,169	5,365	5,467	5,838					
TỔNG NGUỒN VỐN	10,635	10,289	9,024	8,844					

Nguồn: BSC Research.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10&11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84439352722
Fax: +84422200669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
Tel: +84838218885
Fax: +84838218510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>